TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** THÀNH PHỐ CẦN THƠ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06/3/2020
V/v: Xin ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có **:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuân
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Hải
2. Ông Nguyễn Ngọc Giang

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Văn Ban, là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/01/2020 về việc Tranh chấp "xin ly hôn và nuôi con chung". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/02/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L L, sinh năm: 1985
HKTT: ấp Tr.Ph, xã Tr.L, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ
Bị đơn: ông Nguyễn Chí T sinh năm: 1981
HKTT: ấp Tr. Ph, xã Tr.L, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.
ĐCLL: Ấp Tr.T, xã Tr.L, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.
(Bà L có mặt, ông Tvắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/7/2018, nội dung bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị L L trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: bà Nguyễn Thị L L và ông Nguyễn Chí T xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T.L, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ vào ngày 23/11/2005. Thời gian đầu sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc có 02 con chung. Tuy nhiên thời gian sau vì kinh tế khó khăn, ông T cứ say xỉn không lo làm ăn nên ông bà bất đồng

quan điểm và ông bà đã sống ly thân từ năm 2015. Vì vậy, bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Ái L (nữ), sinh ngày 13/9/2008; Nguyễn Chí H (nam), sinh ngày 06/12/2011. Khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không có

Phía bị đơn ông Nguyễn Chí T: Trong quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T đến Toà án để ông T trình bày quan điểm của ông và hòa giải đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L nhưng ông T vắng mặt không lí do nên vụ việc không tiến hành hòa giải được.

Vụ án được đưa ra xét xử. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, ông T không trực tiếp nhận nhưng có người thân của ông T là cha ruột Nguyễn Văn G nhận thay và cam kết giao lại để ông T tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Nguyễn Thị L L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Nguyễn Chí T nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị L L và ông Nguyễn Chí T tiến tới hôn nhân năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr L, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ nên Hội đòng xét xử xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay bà Ly có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Ông Tâm đăng ký thường trú tại ấp Trường Phú 2, xã Trường Long, huyện Phong Điền nên thuộc thẩm quyền giải quyết nên Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Do không ghi nhận được ý kiến của ông T nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bà L cung cấp xác định: Bà L

và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu ông, bà chung sống với nhau hạnh phúc, có 02 con chung. Sau đó thì phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến mâu thuản kéo dài và không thể hàn gắn được, hiện ông bà đã ly thân khoảng 05 năm. Do tình trạng hôn nhân của bà L và ông T đã mâu thuẩn và ngày càng trở nên trầm trọng, đã sống ly thân một thời gian dài, ông T không quan tâm đến bà L và các con. Bà L đã xác định không còn tình cảm với ông T. Xét quan hệ vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống, yêu thương, quan tâm nhau nhưng tình trạng hôn nhân của bà L, ông T không thể tiếp tục duy trì đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở.

[3] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ mà bà L cung cấp thì ông, bà có 02 con chung tên Nguyễn Ái L (nữ), sinh ngày 13/9/2008; Nguyễn Chí H (nam), sinh ngày 06/12/2011. Nay bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Tcấp dưỡng nuôi con. Do trong thời gian sống ly thân 02 cháu sống với bà L, ngoài ra cả 02 cháu đều có nguyện vọng được sinh sống với bà L. Do đó, để tiếp tục ổn định cuộc sống cho 02 cháu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi 02 con chung của nguyên đơn. Do nguyên đơn không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn xác định không có. Do không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228. Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị L L

1. *Về quan hệ hôn nhân*: cho bà Nguyễn Thị L L được ly hôn với ông Nguyễn Chí T (giấy chứng nhận kết hôn 325/2005, quyển số II do Uỷ ban nhân dân Tr L, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ cấp ngày 23/11/2005)

2. *Về con chung:* Giao 02 cháu tên Nguyễn Ái L (nữ), sinh ngày 13/9/2008; Nguyễn Chí H (nam), sinh ngày 06/12/2011cho nguyên đơn Nguyễn Thị L Lytrực tiếp nuôi dưỡng, bà L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông T không ai có quyền ngăn cản.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

4. *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà Nguyễn Thị L L nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số AB/2016/017261 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Thanh Hải	*Nguyễn Ngọc Giang*	*Hồ Mỹ Xuân*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THA H. Phong Điền;
- UBND xã Trường Long;
- Lưu HS (2).

Hồ Mỹ Xuân